

TTT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

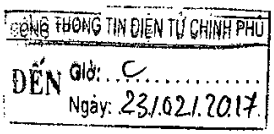
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 259/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt “Đề án đổi mới và hiện đại hoá công nghệ trong ngành công nghiệp khai khoáng đến năm 2025”



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Đề án đổi mới và hiện đại hoá công nghệ trong ngành công nghiệp khai khoáng đến năm 2025” (sau đây gọi tắt là Đề án) với những nội dung chủ yếu sau đây:

- 1. Mục tiêu
 - a) Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, đổi mới và hiện đại hóa công nghệ sản xuất trong các doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất lao động, hiệu quả khai thác, chế biến; nâng cao tỷ lệ thu hồi, giảm tổn thất tài nguyên khoáng sản trong quá trình khai thác và chế biến khoáng sản; nâng cao mức độ an toàn lao động, đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường.

- b) Mục tiêu cụ thể

- Trong lĩnh vực khai thác khoáng sản rắn bằng phương pháp lộ thiên, đổi mới công nghệ, thiết bị theo hướng tiên tiến, hiện đại; phấn đấu đến năm 2020 đạt trình độ cơ giới hoá các công đoạn sản xuất ngang tầm của thế

giới và đến năm 2025 đạt mức độ tiên tiến của thế giới; áp dụng phổ biến công nghệ thông tin trong quản lý sản xuất kinh doanh, quản trị tài nguyên ở tất cả các mỏ lớn (quy mô công suất khai thác 1.000.000 tấn quặng hoặc than nguyên khai/năm trở lên). Đối với các mỏ vừa và nhỏ (quy mô công suất khai thác dưới 1.000.000 tấn quặng hoặc than nguyên khai/năm), phấn đấu nâng cao mức độ áp dụng cơ giới hóa phù hợp với điều kiện cụ thể của từng mỏ, giảm tối đa lao động thủ công, chú trọng công tác bảo vệ môi trường, khai thác và sử dụng triệt để tài nguyên. Phấn đấu giảm tỷ lệ tổn thất than khai thác xuống còn 5% vào năm 2020 và dưới 5% vào năm 2025;

- Trong lĩnh vực khai thác khoáng sản rắn bằng phương pháp hầm lò, phấn đấu đổi mới, áp dụng phổ biến công nghệ cơ giới hóa đồng bộ ở các mỏ có điều kiện địa chất thuận lợi; áp dụng cơ giới hóa ở mức độ cao nhất tại các khu vực, công đoạn sản xuất đủ điều kiện ở các mỏ có điều kiện địa chất không thuận lợi; áp dụng hệ thống giám sát và tự động điều khiển để nâng cao độ an toàn và cơ giới hóa khai thác. Hạn chế hoạt động khai thác thủ công và chấm dứt các hoạt động khai thác không đảm bảo các điều kiện an toàn lao động, lãng phí tài nguyên và hủy hoại môi trường. Phấn đấu giảm tỷ lệ tổn thất than khai thác xuống còn 20% vào năm 2020 và dưới 20% vào năm 2025;

- Trong lĩnh vực tuyển khoáng, chế biến sâu khoáng sản rắn, áp dụng các công nghệ tiên tiến của thế giới với mức độ cơ giới hóa, tự động hóa cao ở các nhà máy quy mô lớn (công suất chế biến 1.000.000 tấn quặng, than nguyên khai/năm trở lên); áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa ở mức cao nhất ở các công đoạn sản xuất đủ điều kiện, tiến tới xóa bỏ lao động thủ công ở các xưởng sàng, tuyển quy mô vừa và nhỏ; nâng cao mức thu hồi các thành phần có ích chính, thu hồi tối đa các thành phần có ích đi kèm để sử dụng tổng hợp và tiết kiệm tài nguyên, giảm mất mát tài nguyên vào đuôi thải; hạn chế sử dụng các loại thuốc tuyển độc hại, gây ô nhiễm môi trường;

- Trong lĩnh vực khai thác dầu khí, áp dụng khoan thành nhỏ, khoan tại khu vực nước sâu trên 200 m; sử dụng hệ hóa phẩm và công nghệ tiên tiến của thế giới để khai thác các mỏ nhỏ, xa bờ, mỏ cận biên, duy trì và gia tăng sản lượng khai thác, nâng cao hệ số thu hồi dầu, ở các mỏ khai thác dầu khí. Trong chế biến dầu khí, tiếp nhận và làm chủ công nghệ nhận chuyển giao, phát triển áp dụng công nghệ, giải pháp tiên tiến để chế biến sâu nguồn dầu, khí thiên nhiên có hàm lượng tạp chất cao.

2. Nhiệm vụ chủ yếu

a) Đổi mới và hiện đại hoá công nghệ, thiết bị

- Đổi mới, áp dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến, hiệu quả cao, ít ô nhiễm môi trường và hiện đại hóa công nghệ khai thác; loại bỏ các công nghệ, thiết bị lạc hậu trong khoan, nổ mìn, làm toi, phá vỡ đất đá;

- Đổi mới công nghệ và thiết bị theo hướng áp dụng công nghệ tiên tiến, thiết bị công suất lớn, hiệu suất cao, có cơ cấu vận hành liên tục, vận hành linh hoạt, loại bỏ thiết bị cũ, lạc hậu trong công tác bốc xúc, vận tải; áp dụng hệ thống vận tải liên tục bằng băng tải, đường ống, hệ thống vận tải liên hợp ô tô - băng tải và ô tô - trục tải ở những mỏ có điều kiện phù hợp;

- Áp dụng công nghệ khai thác hợp lý với chiều cao tầng khai thác lớn, sử dụng thiết bị hiện đại, công suất lớn; các giải pháp kỹ thuật tiên tiến để nâng cao độ ổn định bờ mỏ nhằm tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm và nâng cao mức độ an toàn;

- Phát triển, áp dụng công nghệ tiên tiến trong công tác đổ thải, thoát nước khi khai thác xuống sâu; đổ thải hợp lý ở các khu vực phía dưới còn khoáng sản sẽ được khai thác bằng công nghệ hầm lò;

- Hoàn thiện và triển khai áp dụng công nghệ cơ giới hóa đào lò đá theo hướng đồng bộ thiết bị khoan nổ, bốc xúc, vận tải, sử dụng phương pháp nổ mìn tiên tiến; áp dụng rộng rãi vì chống thủy lực, chống lò bằng vì neo, vì neo dèo cốt thép, bê tông phun và hỗn hợp vì neo - bê tông phun;

- Ứng dụng tự động hóa cho các khâu vận chuyển xếp dỡ, cung cấp điện và tự động giám sát điều khiển thông gió, kiểm soát khí mỏ, thoát nước mỏ;

- Áp dụng cơ giới hóa khâu than trong các gương lò ngắn, cơ giới hoá khâu than bằng máy khâu combai, máy bào than, cùng với các loại vì chống thủy lực, dàn chống tự hành trong các lò chợ;

- Nghiên cứu áp dụng các giải pháp công nghệ phù hợp, đảm bảo an toàn và hiệu quả để khai thác các mỏ khoáng sản có cấu trúc địa chất phức tạp, khai thác các vỉa mỏng, khai thác dưới các công trình trên mặt cần bảo vệ, các khu vực chứa nước và phân tài nguyên trong khu vực vùng cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định;

- Nghiên cứu, đánh giá, lựa chọn công nghệ phù hợp; triển khai thử nghiệm công nghệ khai thác bể than đồng bằng Sông Hồng;

- Đổi mới, hoàn thiện công nghệ, áp dụng rộng rãi các thiết bị công nghệ tiên tiến, thiết bị đo lường, điều khiển, tự động hóa ở các nhà máy tuyển, chế biến khoáng sản hiện có nhằm nâng cao hiệu suất hoạt động, chất lượng sản phẩm, nâng cao mức thu hồi các thành phần có ích chính, thu hồi các thành phần có ích đi kèm, sử dụng tổng hợp và tiết kiệm tài nguyên;

- Đổi mới, sử dụng các loại thuốc tuyển nổi thế hệ mới có hoạt tính và tính chọn riêng cao, ít gây ô nhiễm môi trường trong các nhà máy tuyển nổi;

- Nghiên cứu sử dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp để chế biến quặng apatit nghèo (loại II, IV) nhằm đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất phân bón, tận dụng triệt để tài nguyên;

- Phát triển các công nghệ vi sinh để nâng cao hiệu quả xử lý các loại quặng khó tuyển, công nghệ hoà tách đồng để giảm chi phí sản xuất, xử lý quặng nghèo, sử dụng triệt để và tiết kiệm tài nguyên;

- Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện, đổi mới công nghệ trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò khai thác thu gom, vận chuyển, tàng trữ, xử lý, sử dụng, chế biến và phân phối sản phẩm dầu khí, xử lý chất thải, phòng chống sự cố, bảo vệ an toàn và môi trường;

- Lựa chọn, áp dụng các công nghệ khoan và khai thác phù hợp như công nghệ khoan thân giếng nhỏ, khoan ngang, khoan dưới áp suất cân bằng, công nghệ hoàn thiện giếng thông minh, khai thác đồng thời nhiều tập vỉa ...;

- Tiếp tục nghiên cứu, phát triển, áp dụng các công nghệ, hóa phẩm tiên tiến trên thế giới, công nghệ bơm ép khí nước luân phiên, bơm ép CO₂...; hoàn thiện và nâng cấp công nghệ khai thác thứ cấp, tam cấp nhằm gia tăng thu hồi dầu và duy trì sản lượng giếng;

- Phát triển công nghệ khai thác mỏ có điều kiện địa chất phức tạp như móng nứt nẻ, áp suất cao, nhiệt độ cao, mỏ có chứa khí CO₂; triển khai công nghệ dàn, đầu giếng, tương đồng với các đặc điểm dầu Việt Nam có nhiều parafin, khí có CO₂, dầu nặng, các công nghệ nhằm tận thu khí tại các mỏ nhỏ, xa bờ bằng công nghệ thu gom không đường ống;

- Đẩy mạnh nghiên cứu, sử dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp để chế biến sâu hiệu quả khí thiên nhiên có hàm lượng khí trơ N₂, CO₂ cao, nhằm nâng cao giá trị sử dụng các nguồn khí; phát triển các công nghệ sử dụng CO₂ trong khí thải làm nguyên liệu cho hoá dầu, góp phần giải quyết vấn đề khí gây hiệu ứng nhà kính;

- Nghiên cứu áp dụng công nghệ và sản xuất các hóa phẩm phục vụ khai thác, thu gom, xử lý, vận chuyển, tàng trữ và chế biến dầu khí nhằm đảm bảo yêu cầu chất lượng sản phẩm và môi trường;

- Đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin, tự động hóa trong quá trình thăm dò, khai thác, thu gom, vận chuyển, chế biến, phân phối và sử dụng các sản phẩm dầu khí.

b) Đổi mới và hiện đại hóa công tác quản lý, điều hành sản xuất

- Xây dựng, cập nhật, duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản trị tài nguyên, lập kế hoạch khai thác hợp lý;

- Tăng cường ứng dụng các thành tựu của công nghệ thông tin và hệ thống GIS trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh và quản trị tài nguyên;

- Đẩy mạnh tái cơ cấu, tái cấu trúc doanh nghiệp, sắp xếp hợp lý lao động, tinh gọn bộ máy tổ chức; hoàn thiện các cơ chế quản lý, quản trị doanh nghiệp, áp dụng các công cụ quản lý hiện đại nhằm tăng năng suất lao động, giảm giá thành, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản rắn, dầu khí;

- Triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001, hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001.

c) Đổi mới hoạt động khoa học và công nghệ

- Tăng cường đầu tư phát triển tiềm lực cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản rắn, dầu khí;

- Thành lập và khai thác, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tại doanh nghiệp;

- Đổi mới cơ chế quản lý, tăng cường liên kết giữa các nhà khoa học, tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp trong việc hình thành nội dung, tổ chức nghiên cứu và ứng dụng kết quả phục vụ đổi mới và hiện đại hóa công nghệ;

- Tăng cường năng lực nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các thiết bị công nghệ, phụ tùng, linh kiện thay thế phục vụ ngành khai thác, chế biến khoáng sản rắn, dầu khí;

- Tích cực thu hút đầu tư nước ngoài và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu, trao đổi thông tin, ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản.

3. Các giải pháp

a) Giải pháp về đầu tư, tài chính

- Xây dựng, thực hiện các chương trình, kế hoạch, lộ trình thay thế, nâng cấp, đổi mới và hiện đại hóa thiết bị và công nghệ và tổ chức thực hiện đồng bộ ở các cấp Tập đoàn, Tổng công ty và Công ty khai thác và chế biến khoáng sản;

- Tăng cường đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ mới, hiện đại trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản. Đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư cho hoạt động đổi mới công nghệ. Khuyến khích các doanh nghiệp thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để đầu tư đổi mới công nghệ;

- Xã hội hóa nguồn vốn đầu tư, huy động các nguồn vốn của doanh nghiệp, vốn vay của các tổ chức tín dụng, vốn tài trợ của các tổ chức trong nước và quốc tế và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các chương trình, kế hoạch thay thế, nâng cấp, đổi mới và hiện đại hóa thiết bị và công nghệ của doanh nghiệp.

b) Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp doanh nghiệp phục vụ đổi mới, hiện đại hoá công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản; đẩy mạnh thực hiện cơ chế đối tác công - tư, đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

- Nâng cao năng lực và vai trò của bộ phận quản lý công nghệ của các doanh nghiệp trong việc tư vấn, tổ chức thực hiện đổi mới, hiện đại hóa thiết bị và công nghệ;

- Tăng cường năng lực về nghiên cứu và phát triển cho các tổ chức khoa học và công nghệ; đẩy mạnh liên kết giữa các tổ chức khoa học và công nghệ và doanh nghiệp;

- Đào tạo nâng cao trình độ quản lý, trình độ khoa học và công nghệ, nâng cao tay nghề cho các cán bộ quản lý và người lao động trong các doanh nghiệp;

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

c) Giải pháp về quản lý

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản, xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm pháp luật, sử dụng công nghệ, thiết bị lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường, thất thoát tài nguyên trong khai thác và chế biến khoáng sản;

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách phát triển thị trường công nghệ, thúc đẩy hoạt động đổi mới và hiện đại hóa công nghệ trong doanh nghiệp;

- Đẩy mạnh hoạt động thông tin, tuyên truyền về cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về quản lý hoạt động khoáng sản, chuyển giao công nghệ, đổi mới và hiện đại hóa công nghệ.

4. Kinh phí thực hiện Đề án

a) Kinh phí chủ đạo để thực hiện các nội dung của Đề án, bao gồm triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch thay thế, nâng cấp, đổi mới và hiện đại hóa thiết bị và công nghệ; nâng cao năng lực quản lý, điều hành sản xuất, phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được huy động từ các nguồn vốn của doanh nghiệp, gồm: Vốn tự có, vốn vay, vốn tài trợ của các tổ chức tín dụng trong nước, ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

b) Kinh phí thực hiện các nội dung phục vụ quản lý nhà nước như: Rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, văn bản quản lý nhà nước; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; triển khai thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm quốc gia phục vụ đổi mới và hiện đại hóa công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản đến năm 2025; thông tin, tuyên truyền được bố trí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thông qua các kế hoạch, chương trình hàng năm của các bộ, ngành, địa phương và theo quy định của Luật về ngân sách nhà nước.

5. Tổ chức thực hiện

a) Bộ Công Thương chịu trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan tổ chức hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện “Đề án đổi mới và hiện đại hoá công nghệ trong ngành công nghiệp khai khoáng đến năm 2025” (trừ lĩnh vực khoáng sản làm vật liệu xây dựng và sản xuất xi măng); định kỳ hàng năm và sau năm 2020 đánh giá giữa kỳ kết quả thực hiện Đề án, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

- Chủ trì xây dựng Khung chương trình gửi Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm quốc gia phục vụ đổi mới, hiện đại hoá công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản đến năm 2025 theo quy định.

b) Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo thực hiện nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật trong khai thác và chế biến khoáng sản.

c) Bộ Xây dựng chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện “Đề án đổi mới và hiện đại hoá công nghệ trong ngành công nghiệp khai khoáng đến năm 2025” trong lĩnh vực khoáng sản làm vật liệu xây dựng và sản xuất xi măng; đề xuất đặt hàng Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm quốc gia phục vụ đổi mới, hiện đại hoá công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản đến năm 2025 các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực khoáng sản làm vật liệu xây dựng và sản xuất xi măng; định kỳ hàng năm có báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Công Thương để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

d) Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ cân đối, bố trí và hướng dẫn sử dụng vốn ngân sách để tổ chức thực hiện Đề án.

đ) Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Khung chương trình và phối hợp với Bộ Công Thương quản lý Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm quốc gia phục vụ đổi mới, hiện đại hoá công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản đến năm 2025 theo quy định.

e) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo thực hiện Đề án tại địa phương; định kỳ hàng năm có báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Công Thương để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

g) Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản xây dựng và thực hiện chương trình, lộ trình đổi mới và hiện đại hoá công nghệ cụ thể cho giai đoạn 2017 - 2020 và 2021 - 2025 phù hợp nội dung của Đề án.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg,
TGD Công TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, KGVX;
- Lưu: VT, CN (3b). *xh 115*



Trịnh Đình Dũng